

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2026/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh “Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

b) Những nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông địa phương không quy định trong Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

3. Nguyên tắc hỗ trợ: Trường hợp một nội dung chi cho hoạt động khuyến nông đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ thì chỉ được lựa chọn một chính sách để thực hiện.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông

1. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; Các cơ quan đơn vị chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình quyết định mức chi cho phù hợp với từng chương trình bồi dưỡng.

Riêng chi xây dựng, biên soạn tài liệu phục vụ các lớp bồi dưỡng có thời gian dưới 05 ngày: Mức chi áp dụng theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

b) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC; Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị; mức chi tiếp khách trong nước, chi tiếp

khách nước ngoài và chi tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

c) Chi in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, tài liệu phục vụ hội nghị, lớp tập huấn (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học; thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi khác (nếu có): Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

d) Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

Đối với khảo sát, học tập trong nước: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC. Riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn thì áp dụng theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.

Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

đ) Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ.

- Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ:

Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học: trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thì đơn vị được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.

Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn, ở, đi lại, chi phí khác (nếu có): thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

- Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ:

Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi

phí tiền ăn, ở, đi lại, chi phí khác (nếu có): thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã, tổ viên tổ liên kết, tổ khuyến nông cộng đồng và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở và các chi phí khác (nếu có) không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên.

2. Thông tin tuyên truyền

a) Chi nhuận bút cho tác phẩm đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

b) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập

Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.

Các khoản chi khác thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo: Mức chi cụ thể như sau:

Người chủ trì: 1.200.000 đồng/người/buổi.

Thư ký: 400.000 đồng/người/buổi.

Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/người/báo cáo.

Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức đặt hàng nhưng không trình bày: 500.000 đồng/người/báo cáo.

Thành viên tham gia: 200.000 đồng/thành viên/buổi.

c) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

d) Chi tham gia hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp trong nước: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng; 100% chi phí thuê trang trí, tủ, kệ trưng bày, chi phí vận chuyển hàng (đi và về); hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho những người tham gia tổ chức hoạt động gian hàng, mức chi theo quy định về chế độ công tác phí hiện hành đối với công chức, viên chức nhà nước tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.

đ) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

e) Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

a) Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu

Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu: Áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông.

Chi kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao: Áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

Chi kinh phí thực hiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: Áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

Chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh, VietGAHP, hữu cơ và tương đương khi tham gia xây dựng mô hình: Áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

b) Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình

Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

Chi hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ: theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

Chi giải khát giữa giờ: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND.

Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): Mức chi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này.

c) Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

d) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

đ) Ưu tiên xây dựng và nhân rộng các mô hình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

4. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông: Thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

5. Hợp tác quốc tế về khuyến nông: Thực hiện theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP; Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

Điều 4. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

2. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

3. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định như:

Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông gồm chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi

công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có): mức hỗ trợ thực hiện theo định mức, chế độ tài chính hiện hành.

Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông: Thực hiện theo quy định khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác.

4. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2026.
2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

b) Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc sửa đổi một số nội dung Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế đó.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XVI, Kỳ họp hai thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 7;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính